

PHỤ LỤC I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA TRƯỜNG TH&THCS THÁI HỌC
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TRƯỜNG TH&THCS THÁI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/BC-TH&THCSTH

Thái Học, ngày 28 tháng 06 năm 2025.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên trường: Trường TH&THCS Thái Học.

2. Địa chỉ: Nhà trường có 1 điểm trường tại KDC Ninh Cháp 5 - P. Thái Học, TP. Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

Từ ngày 01/07/2025 KDC Ninh Cháp 5, P. Chu Văn An, thành phố Hải Phòng

3. Loại hình trường: Trường hoạt động theo quy chế của trường công lập (trường thuộc nhóm IV, trường là đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thu Thủy. Điện thoại di động: 0387556494.

- Email: thaihocclhd@gmail.com.

- Địa chỉ website nhà trường: <http://cl-thcsthaihoc.haiduong.edu.vn>.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của đơn vị:

- Sứ mạng: Tạo dựng môi trường học tập và rèn luyện thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn; giúp cho mỗi học sinh đều có điều kiện tốt để phát triển năng lực cá nhân, hoàn thiện bản thân.

- Tầm nhìn: Phấn đấu trở thành một trong những đơn vị giáo dục có chất lượng cao tốp đầu của thành phố Chí Linh, hướng tới giáo dục nên những người công dân toàn cầu.

- Mục tiêu: Đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông, không ngừng sáng tạo, giúp học sinh có nền tảng giáo dục toàn diện, năng động, sáng tạo, phát huy năng lực phẩm chất trở thành công dân toàn cầu trong tương lai.

5. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy. Điện thoại di động: 0387556494.

Chức vụ: Hiệu trưởng; Gmail: thuthuyvd@gmail.com

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

Trường TH&THCS Thái Học được thành lập theo quyết định số 554/QĐ-UBND của UBND Thành phố Chí Linh, ngày 10 tháng 05 năm 2019, sáp nhập 2 trường: Tiểu học Thái

Học và THCS Thái Học. Với tổng diện tích đất 10.671 m². Kinh phí hoạt động của trường do ngân sách nhà nước cấp, là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập do nhà nước quản lý.

- Năm học 2024-2025 nhà trường có:

+ Tổ chức bộ máy nhà trường gồm 33 cán bộ, GV, NV được chia làm 05 tổ gồm: tổ Văn phòng, tổ 1,2,3; tổ 4,5; tổ KHTN, tổ KHXH và 01 bảo vệ.

+ Tổng số học sinh toàn trường là 568 học sinh gồm 17 lớp: Khối Tiểu học là: 307 học sinh; Khối THCS là: 261 học sinh.

+ Tổng số phòng học là: 1 phòng. Các phòng học kiên cố, được trang bị Tivi kết nối mạng Internet.

+ Tổng số phòng chức năng là 9. Các phòng chức năng đều được trang bị các thiết bị đáp ứng được nhu cầu giảng dạy học tập của giáo viên, học sinh.

+ Các phòng làm việc (phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng tổ chuyên môn, kế toán, thư viện, y tế) đều được trang bị máy in, máy tính kết nối mạng Internet.

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định sáp nhập: Quyết định số 554/QĐ-UBND của UBND Thành phố Chí Linh, ngày 10 tháng 05 năm 2019, sáp nhập 2 trường: Tiểu học Thái Học và THCS Thái Học thành trường TH&THCS Thái Học.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường; Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024 - 2029 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TT- BGDDT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT), Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 589/QĐ-PGDĐT ngày 09/09/2024 của Phòng giáo dục thành phố Chí Linh về công nhận Hội đồng trường trường TH&THCS Thái Học, nhiệm kỳ 2024 - 2029 do Ông Lương Quang Phương - trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Chí Linh kí. Hội đồng trường gồm 11 thành viên: Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng nhà trường; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh. Danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Chức vụ HĐ
1	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Quang Dương	Bí thư chi đoàn	Ủy viên
3	Bà Hoàng Thị Hồng Khanh	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên
4	Bà Nguyễn Thị Hưng Hà	Chủ tịch công đoàn	Thư kí
5	Bà Vũ Thị Phương Mai	TT chuyên môn tổ KHTN	Ủy viên
6	Bà Vũ Thị Liễu	TT tổ chuyên môn tổ 4,5	Ủy viên
7	Bà Vũ Thị Hương	PCT UBND phường	Ủy viên

8	Bà Vũ Thị Quỳnh	Ban đại diện CMHS	Ủy viên
9	Em Trịnh Huy Hoàng	Học sinh	Ủy viên
10	Bà Trần Thị Lệ Hằng	TT chuyên môn tổ KHXH	Ủy viên
11	Bà Phan Thị Hải	TT chuyên môn tổ 1,2,3	Ủy viên

c. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thu Thủy; Ngày tháng năm sinh: 24/10/1976
 - + Đã được bổ nhiệm chức vụ hiệu trưởng lần thứ 3 ngày 16 tháng 12 năm 2022.
 - + Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 2 năm.
- Phó hiệu trưởng: Mạc Thị Lan; Ngày tháng năm sinh: 08/12/1970
 - + Đã được bổ nhiệm chức vụ phó hiệu trưởng lần thứ 3 ngày 01 tháng 6 năm 2024
 - + Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 8 năm.
- Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Xiêm; Ngày tháng năm sinh: 25/12/1985
 - + Đã được bổ nhiệm chức vụ phó hiệu trưởng lần thứ 1 ngày 01 tháng 9 năm 2024
 - + Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 1 năm.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

Vị trí việc làm	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn
Hiệu trưởng	01	01	0	01 (100%)		
Phó Hiệu trưởng	02	02	0	02 (100%)		
Giáo viên	26	22	0	24 (92,3%)		02 (7,7%)
Nhân viên	04	03	0	04 (100%)		
Tổng số	33	28	0	31		02

2. Chuẩn nghề nghiệp

STT	Đội ngũ	Đạt chuẩn nghề nghiệp Năm 2025	Năm 2024
1	Cán bộ quản lý	03 - 100%	03 - 100%
2	Giáo viên	26 - 100%	26 - 100%
Tổng cộng		29 - 100%	29 - 100%

3. Bồi dưỡng hàng năm

STT	Đội ngũ	Hoàn thành bồi dưỡng Năm 2025	Năm 2024
1	Cán bộ quản lý	03 - 100%	03 - 100%

2	Giáo viên	26 - 100%	26 - 100%
3	Nhân viên	02	0
Tổng cộng		31 - 100%	29 - 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

1. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu
I	Diện tích (m²)	10.671 m ²	18.8 m ² /HS	8 m ² /HS
II	Số điểm trường	01		
III	Số phòng học (Phòng)	15		
1	Khối THCS	5	0,7	0,6
2	Khối TH	10	1,0	1,0
IV	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố (Phòng)	15		
1.1	Khối THCS	5	0,7	0,6
1.2	Khối TH	10	1,0	1,0
2	Phòng học bán kiên cố	0	-	
3	Phòng học tạm	0	-	
4	Phòng học nhờ	0	-	
5	Số phòng học bộ môn	09		
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01		
7	Bình quân học sinh/lớp	32,2	-	
1.1	Khối TH	307	30,7	
1.2	Khối THCS	261	37,3	
V	Khối phòng hành chính quản trị			
1	Văn thư – Kế toán	01		01
2	Phòng Hiệu trưởng	01		01
3	Phòng Phó hiệu trưởng	02		02
4	Thủ quỹ	01		01
5	Hội trường	01		01
VI	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5.532	9,44	
VII	Tổng diện tích các phòng (m²)	1498	2,58	

1	Diện tích phòng học (m ²)	540	0,93	
	Khối THCS	270	1,03	
	Khối TH	480	1,56	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	695		
2.1	Diện tích phòng học bộ môn Tiếng anh (2 phòng), Tin học, Đa chức năng (m ²) (Tổng 4 phòng)	272	1,84 m ² /HS	1,85m ² /HS
2.1.1	Diện tích phòng Ngoại ngữ (m ²) (2 phòng)	126	0,22	
2.1.2	Diện tích phòng Tin học (m ²)	68	0,12	
2.2	Diện tích phòng học bộ môn (KHTN 1, KHTN 2, Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật, (Tổng 5 phòng) (m ²)	423	2,29 m ² /HS	2,45m ² /HS
	Diện tích phòng giáo dục Nghệ thuật (m ²) (2 phòng Âm nhạc, Mỹ thuật)	169,2	0,3	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	26		
4	Diện tích thư viện (m ²)	174	0,31 m ² /HS	
5	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0		
6	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0		
7	Diện tích phòng tổ CM (m ²) (4 phòng)	72	18	
8	Diện tích phòng làm việc (m ²)	108	2,91	
9	Diện tích phòng Đội và truyền thống (m ²)	80	0,14	
10	Diện tích phòng Y tế (m ²)	18	0,03	
VIII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có (Đơn vị tính: bộ)	5	Số bộ/lớp	
1	Khối lớp 1	02	01	01 bộ/lớp
2	Khối lớp 2	0,5	0,25	01 bộ/lớp
3	Khối lớp 3	0,5	0,25	01 bộ/lớp
4	Khối lớp 4	0,5	0,25	01 bộ/lớp
5	Khối lớp 5	0,5	0,25	01 bộ/lớp
6	Khối lớp 6	0,5	0,25	01 bộ/lớp

7	Khối lớp 7	0,5	0,25	01 bộ/lớp
8	Khối lớp 8	0,5	0,25	01 bộ/lớp
9	Khối lớp 9	0,5	0,25	01 bộ/lớp
IX	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định (Đơn vị tính: bộ)	12	Số bộ/lớp	
1	Khối lớp 1	0		
2	Khối lớp 2	1,5		
3	Khối lớp 3	1,5		
4	Khối lớp 4	1,5		
5	Khối lớp 5	1,5		
6	Khối lớp 6	1,5		
7	Khối lớp 7	1,5		
8	Khối lớp 8	1,5		
9	Khối lớp 9	1,5		
10	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	0	
X	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	8	Số HS/bộ 0,01	23

XI	Tổng số thiết bị đang sử dụng phục vụ giáo dục	TS	Số thiết bị/lớp học	Yêu cầu tối thiểu
1	Ti vi	18	1,06	1 chiếc/lớp
2	Cát xét	0	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	0	
5	Máy chiếu đa năng	2	0,12	
6	Đàn Organ	0	0	
7	Loa	1	0,06	
8	Đàn Ghita	0	0	
9	Bảng tương tác phòng học	2	0,12	2
10	Bàn ghế 2 chỗ ngồi	280		

11	Bàn ghế 4 chỗ ngồi	10		
12	Bảng chống lóa còn sử dụng	15	0,88	1 chiếc/phòng

	Nội dung	Số lượng (m ²)
XII	Nhà bếp	60
XIII	Nhà ăn	60

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ/phòng	Diện tích bình quân/chỗ
XIV	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Nghỉ tại lớp học	35	1,37
XV	Khu nội trú	0	0	0

XV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	4	0	0,2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XVI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVIII	Kết nối internet	x	
XIX	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục SGK được lựa chọn sử dụng năm học 2025 - 2026

2.1. Đối với lớp 1:

TT	Môn/ HĐGD	Tên sách được đề xuất lựa chọn (Tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)
1	Tiếng Việt 1	Tiếng Việt 1 Tác giả: Giáo sư Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm chủ biên) Bộ sách: Cánh diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

2	Toán 1	Toán 1 Tác giả: Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên). Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên) Bộ sách: Cánh diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3	Đạo đức 1	Đạo đức 1 Tác giả: Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên). Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên) Bộ sách: Cánh diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Tự nhiên và Xã hội 1 Tác giả: Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên) Bộ sách: Cánh diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Âm nhạc 1	Âm nhạc 1 Tác giả: (Tổng chủ biên kiêm chủ biên) Bộ sách: Cánh diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6	Mĩ thuật 1	Mĩ thuật 1 Tác giả: Phạm Văn Tuyên (Tổng chủ biên).Nguyễn Thị Đông (Chủ biên) Bộ sách: Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 1 Tác giả: Đặng Ngọc Quang (Tổng chủ biên kiêm chủ biên) Bộ sách: Cánh diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Hoạt động trải nghiệm 1 Tác giả: Nguyễn Dục Quang (Tổng chủ biên kiêm chủ biên) Bộ sách: Cánh diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
9	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 Tác giả: Trịnh Thị Ngọc Quyên Bộ sách: “Macmillan Next Move 1” Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Đối với lớp 2:

TT	Môn/HĐGD	Tên sách được đề xuất lựa chọn (Tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)
----	----------	---

1	Toán 2	Toán 2 Tác giả: Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên). Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
2	Tiếng Việt 2	Tiếng Việt 2 Tác giả: Giáo sư Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3	Tự nhiên và Xã hội 2	Tự nhiên và Xã hội 2 Tác giả: Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
4	Đạo đức 2	Đạo đức 2 Tác giả: Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Âm nhạc 2	Âm nhạc 2 Tác giả: Lê Anh Tuấn (Tổng chủ biên) Tạ Hoàng Mai Anh (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6	Mĩ thuật 2	Mĩ thuật 2 Tác giả: Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên) Bộ sách: Chân trời sáng tạo bản 1 Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 2 Tên tác giả: Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Phạm Đông Đức (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 2	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 2 Tên tác giả: Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
9	Tiếng anh 2	Tiếng Anh 2 Tác giả: Hoàng Tăng Đức (Chủ biên)

		Bộ sách: “Macmillan Next Move 2” Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
--	--	---

2.3. Đối với lớp 3:

TT	Môn/HĐGD	Tên sách được đề xuất lựa chọn (Tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)
1	Toán 3	Toán 3 Tác giả: Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên). Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: NXB Đại học Sư phạm
2	Tiếng Việt 3	Tiếng Việt 3 Tác giả: Giáo sư Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3	Đạo đức 3	Đạo đức 3 Tác giả: Đỗ Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tự nhiên và xã hội 3	Tự nhiên và xã hội 3 Tác giả: Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
5	Tin học 3	Tin học 3 Tên tác giả: Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
6	Công nghệ 3	Công nghệ 3 Tác giả: Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Hoàng Đình Long (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục thể chất 3 Tên tác giả: Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm

8	Âm nhạc 3	Âm nhạc 3 Tác giả: Lê Anh Tuấn (Tổng chủ biên) Tạ Hoàng Mai Anh (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
9	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 3 Tác giả: Nguyễn Thị Nhung (tổng Chủ biên) - Nguyễn Tuấn Cường - Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên) Bộ sách: Chân trời sáng tạo bản 1 Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
10	Tiếng anh 3	Tiếng anh 3 Tên tác giả: Nguyễn Thu Lê Hằng (Chủ biên) Bộ sách Wonderful World. Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm.
11	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 3 Tên tác giả: Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

2.4. Đối với lớp 4:

TT	Môn/HĐGD	Tên sách được đề xuất lựa chọn (Tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)
1	Toán 4	Toán 4 Tác giả: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
2	Tiếng Việt 4	Tiếng Việt 4 Tác giả: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3	Đạo đức 4	Đạo đức 4 Tác giả: Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Lịch sử và Địa lí 4	Lịch sử và Địa lí 4 Tác giả: Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga

		(Chủ biên phần Địa lí) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm.
5	Khoa học 4	Khoa học 4 Tác giả: Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm.
6	Tin học 4	Tin học 4 Tác giả: Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm.
7	Công nghệ 4	Công nghệ 4 Tác giả: Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (đồng Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
8	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục thể chất Tác giả: Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc 4	Âm nhạc 4 Tác giả: Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
10	Mĩ thuật 4	Mĩ thuật 4 Tác giả: Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên) Bộ sách: Chân trời sáng tạo bản 1 Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng anh 4	Tiếng anh 4 Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên) Bộ sách: Wonderful World Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
12	Hoạt động trải nghiệm 4	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 4 Tác giả: Nguyễn Dục Quang (Tổng CB), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh

2.5. Đối với lớp 5:

TT	Môn/ HDGD	Tên sách được đề xuất lựa chọn (Tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)
1	Toán 5	Toán 5 Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học sư phạm
2	Tiếng Việt, tập 1	Tiếng Việt, tập 1 Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
3	Tiếng Việt, tập 2	Tiếng Việt, tập 2 Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Trần Đức Hùng. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
4	Đạo đức	Đạo đức Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
5	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học sư phạm
6	Khoa học 5	Khoa học 5 Bùi Phương Nga (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Hồng Bắc, Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
7	Tin học 5	Tin học 5 Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung. Bộ sách: Cánh Diều

		Nhà xuất bản: Đại học sư phạm
8	Công nghệ 5	Công nghệ 5 Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Chu Văn Vượng. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSPT thành phố Hồ Chí Minh
9	Giáo dục Thể chất 5	Giáo dục Thể chất 5 Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học sư phạm
10	Âm nhạc 5	Âm nhạc 5 Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Trương Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSPT thành phố Hồ Chí Minh
11	Mĩ thuật 5	Mĩ thuật 5 Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận. Bộ sách: Chân trời sáng tạo bản 1 Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Hoạt động trải nghiệm 5 Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSPT thành phố Hồ Chí Minh
13	Tiếng Anh 5	Tiếng Anh 5 Nguyễn Vũ Quỳnh Như (Chủ biên), Trần Thị Thảo Phương, Đặng Thị Cẩm Tú, Trần Thị Thu Sương. Bộ sách: Wonderful World Nhà xuất bản: Đại học sư phạm

2.6. Đối với lớp 6:

TT	Môn/HĐGD	Tên sách giáo khoa (Tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)
-----------	-----------------	--

1	Ngữ văn 6 tập 1	Ngữ văn 6 tập 1 Tác giả: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ Biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
2	Ngữ văn 6 tập 2	Ngữ văn 6 tập 2 Tác giả: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ Biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
3	Toán 6, tập 1	Toán 6, tập 1 Tác giả: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
4	Toán 6, tập 2	Toán 6, tập 2 Tác giả: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
5	Tiếng Anh 6	Tiếng Anh 6 Tác giả: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên) Bộ sách: Global Success Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 6	Khoa học tự nhiên 6 Tác giả: Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên); Lê Kim Long, Đinh Đoàn Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lí 6	Lịch sử và Địa lí 6 Đỗ Thanh Bình, Nguyễn Viết Thịnh (Đồng Tổng Chủ biên), Trần Viết Lưu, Nguyễn Văn Ninh, Đỗ Minh Đức (Đồng Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học sư phạm
8	Giáo dục công dân 6	Giáo dục công dân 6 Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh
9	Âm nhạc 6	Âm nhạc 6 Hoàng Long, Đỗ Minh Chính, (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam

10	Mĩ thuật 6	Mĩ thuật 6 Phạm Văn Tuyên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
11	Tin học 6	Tin học 6 Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 6	Công nghệ 6 Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Lan Hương (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
13	Giáo dục thể chất 6	Giáo dục thể chất 6 Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học sư phạm
14	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 6 Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Thanh, Nguyễn Thị Việt Nga, Trần Thị Thu (Đồng Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam

2.7. Đối với lớp 7:

TT	Môn/ HĐGD	Tên sách giáo khoa (Tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)
1	Ngữ văn 7 tập 1	Ngữ văn 7 tập 1 Tác giả: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ Biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
2	Ngữ văn 7 tập 2	Ngữ văn 7 tập 2 Tác giả: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ Biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
3	Toán 7, tập 1	Toán 7, tập 1 Tác giả: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam

4	Toán 7, tập 2	Toán 7, tập 2 Tác giả: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
5	Tiếng Anh 7	Tiếng Anh 7 Tác giả: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên) Bộ sách: Global Success Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 7	Khoa học tự nhiên 7 Tác giả: Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng – Lê Kim Long – Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lí 7	Lịch sử và Địa lí 7 Tác giả: Mai Sĩ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Bảo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Đào Tuấn Đạt, Phan Thị Thanh Hội, Ngô Văn Hưng, Đỗ Thanh Hữu, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Phạm Xuân Quế, Trương Anh Tuấn, Ngô Văn Vự. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh
8	Giáo dục công dân 7	Giáo dục công dân 7 Tác giả: Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Huế
9	Âm nhạc 7	Âm nhạc 7 Tác giả: Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Đỗ Thị Minh Chính (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 7	Mĩ thuật 7 Tác giả: Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên); Ngô Thị Hường (Chủ biên), Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
11	Tin học 7	Tin học 7 Tác giả: Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 7	Công nghệ 7 Tác giả: Nguyễn Tấn Thắng (Tổng Chủ biên), Dương Văn Nhiệm (Chủ biên)

		Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
13	Giáo dục thể chất 7	Giáo dục thể chất 7 Tác giả: Lưu Quang Tiệp (Tổng Chủ biên); Bùi Ngọc (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
14	HĐTN-HN 7	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7 Tác giả: Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2.8. Đối với lớp 8:

TT	Môn/HĐGD	Tên sách giáo khoa (Tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)
1	Ngữ văn 8 tập 1	Ngữ văn 8 tập 1 Tác giả: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ Biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
2	Ngữ văn 8 tập 2	Ngữ văn 8 tập 2 Tác giả: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ Biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
3	Toán 8, tập 1	Toán 8, tập 1 Tác giả: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan - Cung Thế Anh (đồng Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
4	Toán 8, tập 2	Toán 8, tập 2 Tác giả: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan - Cung Thế Anh (đồng Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
5	Tiếng Anh 8	Tiếng Anh 8 Tác giả: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên) Bộ sách: Global Success Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam

6	Khoa học tự nhiên 8	Khoa học tự nhiên 8 Tác giả: Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lí 8	Lịch sử và Địa lí 8 Tác giả: Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử) Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục công dân 8	Giáo dục công dân 8 Tác giả: Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Huế
9	Âm nhạc 8	Âm nhạc 8 Tác giả: Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 8	Mĩ thuật 8 Tác giả: Phạm Văn Tuyên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm
11	Tin học 8	Tin học 8 Tác giả: Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 8	Công nghệ 8 Tác giả: Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thế Công (Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
13	Giáo dục thể chất 8	Giáo dục thể chất 8 Tác giả: Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm

14	HĐTN- HN 8	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8 Tác giả: Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên) Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
----	---------------	---

2.9. Đối với lớp 9

TT	Môn/ HĐGD	Tên sách giáo khoa (Tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)
1	Ngữ văn 9, Tập 1	Ngữ văn 9, Tập 1 Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Đỗ Thu Hà, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Lộc, Vũ Thanh. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
2	Ngữ văn 9, Tập 2	Ngữ văn 9, Tập 2 Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Văn Lộc. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
3	Toán 9, Tập 1	Toán 9, Tập 1 Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng. Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
4	Toán 9, Tập 2	Toán 9, Tập 2 Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng. Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
5	Tiếng Anh 9	Tiếng Anh 9 Global Success Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy. Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và Địa lí 9	Lịch sử và Địa lí 9 Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử). Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí). Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn

		Hà, Nguyễn Tú Linh. Phạm Thị Trâm. Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
7	Khoa học tự nhiên 9	Khoa học tự nhiên 9 Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng. Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuận. Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Công dân 9	Giáo dục Công dân 9 Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang, Trần Văn Thắng. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học Huế
9	Tin học 9	Tin học 9 Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai. Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 9	Âm nhạc 9 Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân. Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam
11	Mỹ thuật 9	Mỹ thuật 9 Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Thị Hồng Thắm. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học sư phạm
12	Giáo dục thể chất 9	Giáo dục thể chất 9 Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: Đại học sư phạm
13	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Trần Thị Thu (Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy. Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản: Giáo dục Việt Nam

14	Công nghệ 9	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên, kiêm Chủ biên); Nguyễn Thị Mai Lan. Bộ sách: Cánh Diều Nhà xuất bản: ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh
----	-------------	---

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Trường TH&THCS Thái Học được công nhận trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 theo Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh Hải Dương và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh Hải Dương.

Năm học 2024 - 2025, tiếp tục chỉ đạo xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, nghiêm túc thực hiện báo cáo tự đánh giá, xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn rà soát các chỉ số, tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên. Phần đầu trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2027.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Kết quả tuyển sinh.

Khối 1		Khối 6	
TS	%	TS	%
54	100	81	100

2. Duy trì sĩ số học sinh

Khối	Lớp	Sĩ số		Tỷ lệ HS/lớp	Nam	Nữ	KT	Chuyển đi	Chuyển đến	Đi học lại	Bỏ học	Dân tộc
		Đầu năm	Hiện tại									
1	1A	28	26	26,5	16	10	1	2				
	1B	27	27		17	10		1	1			
2	2A	28	29	28,5	14	15			1			
	2B	28	28		13	15		2	2			
3	3A	28	29	29,5	20	9		1	2			
	3B	30	30		20	10						
4	4A	32	33	33	12	21			1			
	4B	32	33		22	11			1			
5	5A	35	36	36	19	17		1	2			
	5B	36	36		14	22	1	1	1			

Tổng TH		304	307	30,7	167	140	2	8	11			
6	6A	41	41	41	21	20		1	1			1
	6B	40	41		20	21			1			
7	7A	35	35	34	19	16						
	7B	35	33		18	15	1	3	1			
8	8A	31	31	31	19	12	1	1	1			
	8B	31	31		20	11		1	1	1	1	
9	9A	48	49	49	24	25		1	2			1
+ THCS		261	261	37,27	141	120	2	6	5	1	1	1
Tổng cộng		565	568	33.17	308	260	4	15	18	1	1	2

3. Số học sinh học 2 buổi/ngày: 307/307 (100%)

4. Kết quả đánh giá và các cuộc thi của học sinh.

4.1. Kết quả học sinh Tiểu học: Tổng số 307. KT: 02 (1A: 01 HS, 5B: 01 HS.).

4.1.1 Kết quả đánh giá năng lực HS:

a. Kết quả đánh giá năng lực chung

TT	Lớp	Sĩ số	Tự chủ và tự học				Giao tiếp và hợp tác				Giải quyết vấn đề và sáng tạo			
			Tốt		Đạt		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Khối 01	53	44	84,6	8	15,4	44	84,6	8	15,4	44	84,6	8	15,4
2	Khối 02	57	49	86	8	14	49	86	8	14	49	86	8	14
3	Khối 03	59	52	88,1	7	11,9	52	88,1	7	11,9	52	88,1	7	11,9
4	Khối 04	66	56	84,8	10	15,2	57	86,4	9	13,6	56	84,8	10	15,2
5	Khối 05	72	68	95,8	3	4,2	68	95,8	3	4,2	68	95,8	3	4,2
6	TT	307	269	88,2	36	11,8	270	88,5	35	11,5	269	88,2	36	11,8

b. Kết quả đánh giá năng lực đặc thù

Lớp	Sĩ số	Ngôn ngữ				Tính toán						Khoa học			
		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 1	53	39	75	13	25	44	84,6	8	15,4			45	86,5	7	13,5
Khối 2	57	46	80,7	11	19,3	46	80,7	11	19,3			47	82,5	10	17,5
Khối 3	59	51	86,4	7	11,9	52	88,1	6	10,2			51	86,4	7	11,9
Khối 4	66	49	74,2	17	25,8	48	72,7	17	25,8	1	1,5	49	74,2	17	25,8
Khối 5	72	59	83,1	12	16,9	57	80,3	13	18,3	1	1,4	64	90,1	7	9,9
TT	307	244	80	60	19,7	247	81	55	18	2	0,7	256	83,9	48	15,7

Lớp	Sĩ số	Công nghệ				Tin học				Thẩm mỹ				Thể chất			
		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
K1	53									46	88,5	6	11,5	46	89	6	11,5
K2	57									48	84,2	9	15,8	47	83	10	17,5
K3	59	55	93	3	5,1	53	90	5	8,5	52	88,1	6	10,2	53	90	5	8,5
K4	66	49	74	17	26	49	74	17	25,8	58	87,9	8	12,1	62	94	4	6,1
K5	72	64	90	7	9,9	64	90	7	9,9	67	94,4	4	5,6	65	92	6	8,5
TT	307	168	86,2	27	13,8	166	85	29	14,9	271	88,9	33	10,8	273	89,5	31	10,2

b. Kết quả đánh giá phẩm chất HS:

Lớp	Sĩ số	Yêu nước				Nhân ái				Chăm chỉ			
		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
K1	53	48	92.3	4	7.7	48	92.3	4	7.7	48	92.3	4	7.7
K1	57	49	86.0	8	14.0	49	86.0	8	14.0	49	86.0	8	14.0
K1	59	57	96.6	2	3.4	57	96.6	2	3.4	57	96.6	2	3.4
K1	66	56	84.8	10	15.2	56	84.8	10	15.2	56	84.8	10	15.2
K1	72	69	97.2	2	2.8	69	97.2	2	2.8	68	95.8	3	4.2

STT	Lớp	Sĩ số	Trung thực				Trách nhiệm			
			Tốt		Đạt		Tốt		Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	K1	53	48	92.3	4	7.7	48	92.3	4	7.7
2	K1	57	49	86.0	8	14.0	49	86.0	8	14.0
3	K1	59	57	96.6	2	3.4	57	96.6	2	3.4
4	K1	66	56	84.8	10	15.2	56	84.8	10	15.2
5	K1	72	69	97.2	2	2.8	68	95.8	3	4.2

4.1.2. Xếp loại giáo dục:

Khối	Sĩ số	Số HS ĐG	Học tập							
			HTXS		HTT		HT		CHT	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TT	307	305	146	47,9	80	26,2	76	24,9	3	1,0
K1	53	52	31	59,6	12	23,1	8	15,4	1	1,9
K2	55	55	28	50,9	12	21,8	15	27,3	2	3,6
K3	59	59	24	40,7	19	32,2	16	27,1	0	0
K 4	66	66	28	42,4	17	25,8	21	31,8	0	0
K5	72	71	35	49,3	20	28,2	16	22,5	0	0

4.1.3. Kết quả các cuộc thi

+ Chất lượng cuộc thi Trạng nguyên Tiếng Việt

Cấp thành phố				Cấp tỉnh				Cấp QG
Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK	QG
11	5	6	4	10	4	5	5	0

+Chất lượng cuộc thi Toán Violimpic

Cấp thành phố				Cấp tỉnh				Cấp QG
Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK	
0	0	0	0	0	0	0	1	1KK

+ Chất lượng cuộc thi Tiếng anh IOE, tháng tự học Tiếng anh

Cấp thành phố				Cấp tỉnh				Cấp QG
Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK	
0	01	0	0	0	0	0	2	3HSG

4.2. Đánh giá Học sinh khối THCS:

2.1. Kết quả năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	261	82	68	62	49
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	224 (85,8%)	75 (91,5%)	58 (85,3%)	51 (82,3%)	40 (81,6%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	34 (13,0%)	7 (8,5%)	10 (14,7%)	9 (14,5%)	8 (16,3%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 (1,2 %)	0 (0%)	0 (0%)	2 (3,2%)	01 (2,1%)
4	CĐ (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số HS chia theo học tập	261 (2KT KĐG) 259	82	68 (1KTKĐG) 67	62 (1KTKĐG) 61	49
1	XS, Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	33 (12,7%)	11 (13,4%)	7 (10,5%)	7 (11,5%)	8 (16,3%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	102 (39,4%)	30 (36,6%)	32 (47,8%)	20 (32,8%)	20 (40,8%)

3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	108 (41,7%)	35 (42,7%)	24 (35,8%)	30 (49,2%)	19 (38,8%)
4	CD (tỷ lệ so với tổng số)	16 (6,2%)	6 (7,3%)	4 (5,9%)	4 (6,5%)	2 (4,1%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	261 (2KT KĐG) 259	82	68 (1KTKĐG) 67	62 (1KTKĐG) 61	49
1	HS XS, Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	33 (12,7%)	11 (13,4%)	7 (10,5%)	7 (11,5%)	8 (16,3%)
2	HS HS khá (tỷ lệ so với tổng số)	102 (39,4%)	30 (36,6%)	32 (47,8%)	20 (32,8%)	20 (40,8%)
3	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đến 3 1,3 % Đi 2 0,88%	Đi 1 1,6 %	Đi 1 2,1%	Đến 1 1,6 %	Đến 2 11,5 %
4	Đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Bỏ học trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,38%	0	0	Bỏ 1 1,61 %	0
IV	Số HS đạt giải, đạt giỏi các kỳ thi HSG	08	01	03	02	02
1	Cấp thành phố các môn văn hóa	7 (1 ba, 5KK, 1 HSG)	01 (1KK)	03 (3KK)	2 (1HSG, 1 KK)	01 ba
2	Cấp tỉnh	01 nhì	0	0	0	01 nhì
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Thi tháng tự học tiếng anh, IOE	03	01	01	0	0
1	Cấp thành phố	01 KK	01 KK	0	0	0
2	Cấp tỉnh	02 KK	0	01 KK	0	0
3	Cấp quốc gia	0	0	0	0	0
VI	Số HS đạt giải TDTT	05	0	0	02	03
1	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0

2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
3	Cấp thành phố	5 (3 nhì, 2 ba)	0	0	2 nhì	3 (2 ba, 1 nhì)
VII	Thi NCKH, STTTN	04	01	0	01	04
1	Cấp tỉnh/thành phố	04 KK	01 KK	0	01KK	02 KK
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
3	Cấp thành phố	02	0	0	0	02 KK
VIII	Số học sinh nam/nữ	141/120	41/41	37/31	39/23	24/25
VIII	Số học sinh KT	02	0	01	01	0
IX	Số học sinh Dân tộc	02	01	0	0	01

5. Kết quả học sinh được lên lớp, không được lên lớp

5.1. Cấp Tiểu học

TT	Lớp	SS	Xét lần 1			Xét lần 2		TH 2 lần	
			LL	TL	LB	LL	LB	LL	LB
1	1A	26	25	1	0	0	0	26	01
2	1B	27	27	0	0	0	0	27	0
Tổng		53	52	1	0	0	0	53	01
3	2A	29	28	1	0	01	01	29	01
4	2B	28	27	1	0	0	0	28	0
Tổng		57	55	2	0	01	01	57	01
5	3A	29	29	0	0	0	0	29	0
6	3B	30	30	0	0	0	0	30	0
Tổng		59	59	0	0	0	0	59	0
7	4A	33	33	0	0	0	0	33	0
8	4B	33	33	0	0	0	0	33	0
Tổng		66	66	0	0	0	0	66	0
TT		235	232	3	0	01	02	333	02

5.2. Cấp THCS (chưa kiểm tra lại)

Lớp	Tổng số HS	Lên lớp		Thi lại, RLL		Lưu ban	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
6A	41	37	90,2	4	9,8		
6B	41	39	95,1	2	4,9		
Tổng khối 06	82	76	92.7	6	7,3		

7A	35	34	97,1	1	2,9		
7B	33	30	90,9	3	9,1		
Tổng khối 07	68	64	94,1	4	5,8		
8A	31	29	93,5	2	6,5		
8B	31	29	93,5	2	6,5		
Tổng khối 08	62	58	93,5	4	6,5		8
Tổng	212	198	93,4	14	6,6		

6. Kết quả hoàn thành chương trình Tiểu học và tốt nghiệp THCS

Sĩ số	Số HS TN		Sĩ số	HTCTTH	
	Số HS	%		Số HS	%
49	47	95,9	72	72	100

7. Kết quả thi THPT, Số học sinh trúng tuyển vào các trường THPT, GDTX, Tư thục, trường nghề

Tổng điểm	Xếp thứ	HS học Chí Linh	HS học Trần Phú	HS học NTD	HS học TTGDTX	Học sinh học nghề	Trường ngoài
17,1	12/19	13	9	6	16	3	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính năm 2024

1.1. Nguồn ngân sách:

TT	Nội dung/Nguồn chi	Chi TX giao tự chủ (VNĐ)	Chi TX không giao tự chủ (VNĐ)
1	Dự toán năm trước chuyển sang(1)		42.000.000
2	Dự toán giao (2)	6.331.283.000	84.007.000
3	Dự toán bổ sung (3)	914.157.000	325.151.000
4	Dự toán giảm (4)	301556000	10.389.803
I	Dự Toán thu(1+2+3-4)	6.943.884.000	440.768.197
II	Dự Toán chi	6.937.116.000	243.368.197
1	Tiền lương	3.220.760.988	
2	Phụ cấp lương	1.924.319.603	55.474.697
3	Tiền thưởng	15.660.000	142.551.000
4	Các khoản đóng góp	942.419.883	

5	Thanh toán dịch vụ công cộng	92.527.532	
6	Vật tư văn phòng	34.024.986	
7	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	12.637.673	
8	Công tác phí	9.600.000	
9	Chi phí thuê mướn	94.104.436	
10	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	55.185.087	
11	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	374.285.910	
12	Mua sắm tài sản vô hình	20.000.000	
13	Chi khác	141.589.902	
14	Học bổng và hỗ trợ khác cho HS, SV, Cấp bù học phí		18.742.500
15	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		26.600.000
III	Dự Toán còn lại		204.168.000
1	Chuyển sang năm 2024		182.000.000
2	Kinh phí hủy		22.168.000

1.2. Nguồn dịch vụ năm 2024

1.2.1. Thu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (vnd)	Tổng thu
1	Học phí	đồng/HS/ tháng	105.000	230.422.500
2	Dịch vụ vệ sinh	đồng/HS/ tháng	20.000	97.771.000
3	Trông xe	đồng/HS/ tháng	10.000	25.080.000
4	Học thêm	đồng/HS/tiết	7.000	491.256.000
5	Nước uống	đồng/HS/ tháng	7.000	20.160.000
6	Kĩ năng sống	đồng/HS/tiết	12.000	77.064.000
7	Học 2 buổi / ngày	đồng/HS/ tháng	191.000	208.715.000

8	Ăn Bán trú	đồng/HS/suất	20.000	648.461.000
9	Chăm sóc PV bán trú	đồng/HS/ tháng	160.000	239.779.152
10	Đầu vào Bán trú	đồng/HS/ năm	200.000	8.400.000
11	Phụ phí bán trú	đồng/HS/ tháng	7.000	4.415.000

1.2.2. Chi:

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Số tiền
1	Học phí	Chi tiền lương, tiền công, cải cách tiền lương, tiền thưởng	285.905.000
		Chi nghiệp vụ chuyên môn, dịch vụ công cộng, sửa chữa nhỏ, thuê mướn	103.732.030
2	Học thêm	Chi nộp thuế TNDN	4.933.740
		Chi GV trực tiếp dạy	193.402.554
		Chi công tác quản lý	36.262.989
		Chi điện, nước, sửa chữa CSVC	22.762.563
3	Trông xe	Nộp thuế GTGT, TNDN	2.508.000
		Chi tiền công trông xe	16.300.000
		Các khoản chi khác	7.588.000
4	Vệ sinh	Chi tiền công dọn vệ sinh	74.480.000
		Thu gom rác thải	2.855.127
		Dụng cụ vệ sinh	18.432.373
5	Nước uống	Trả nhà cung cấp	20.736.674
6	Kĩ năng sống	Chi nộp về Trung tâm dạy KNS	61.651.200
		Nộp thuế TNDN	308.256
		Chi công tác quản lý	11.328.408
		Chi điện, nước, CSVC	4.635.750

7	Học 2 buổi / ngày	Chi nộp thuế TNDN	4.161.300
		Chi GV trực tiếp dạy	170.348.808
		Chi công tác quản lý	30.575.555
		Chi điện, nước, sửa chữa CSVC	20.887.315
8	Ăn Bán trú	Chi trả nhà cung cấp	648.866.976
9	Chăm sóc PV bán trú	Chi nộp thuế GTGT, TNDN	9.223.500
		Chi quản lý, PV bán trú	221.601.094
10	Đầu vào Bán trú	Chi mua chăn, gối bán trú	8.400.000
11	Phụ phí bán trú	Chi mua đồ dùng BT	4.405.500

2. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (vnd)	Tổng thu
I	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng/HS/tháng	105.000	238.927.500
2	Vệ sinh	đồng/HS/tháng	23.000	109.120.500
3	Trông xe	đồng/HS/tháng	10.000	25.320.000
4	Học thêm	đồng/HS/tiết	8.000	311.265.000
5	Học 2 buổi / ngày	đồng/HS/tháng	191.000	484.820.000
6	Ăn Bán trú	đồng/HS/suất	20.000	708.240.000
7	Chăm sóc PV bán trú	đồng/HS/tháng	160.000	285.793
8	Đầu vào Bán trú	đồng/HS/năm	200.000	8.400.000
9	Phụ phí bán trú	đồng/HS/tháng	7.000	13.580.000
II	Năm học 2025-2026			
1	Vệ sinh	đồng/HS/tháng	23.000	
2	Trông xe	đồng/HS/tháng	10.000	
3	Học 2 buổi / ngày	đồng/HS/tháng	191.000	

4	Ăn Bán trú	đồng/HS/suất	20.000	
5	Chăm sóc PV bán trú	đồng/HS/tháng	160.000	
6	Đầu vào Bán trú	đồng/HS/năm	200.000	
7	Phụ phí bán trú	đồng/HS/tháng	7.000	

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	10	7.192.500
2	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ	9	11.550.000

3. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	51.321.000	Tiền học phí tại kho bạc Chí Linh
III	Số dư tiền gửi tại ngân hàng BIDV	Đồng	260.113.939	

4. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

- Công khai theo TT 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và TT 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

- Công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi 6 tháng đầu năm 2025

T T	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.542.059.000	4.445.074.805
I	Kinh phí giao tự chủ	8.100.164.000	4.130.616.131
1	Tiền lương		1.894.342.760
2	Phụ cấp lương		1.121.290.976
3	Tiền thưởng		18.252.000

4	Các khoản đóng góp		537.780.319
5	Thanh toán dịch vụ công cộng		40.830.305
6	Vật tư văn phòng		15.034.880
7	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		5.260.000
8	Công tác phí		7.970.430
9	Chi phí thuê mướn		43.689.380
10	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác CM và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng		73.193.170
11	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		290.899.791
12	Chi khác		82.072.120
II	Kinh phí không tự chủ	441.895.000	314.458.674
1	Phụ cấp lương		101.977.174
2	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh		8.887.500
3	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác C và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở (khắc phục bão)		182.000.000
4	Hỗ trợ GV theo NQ 24/2023		4.200.000
5	Dạy ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 - THPT		17.394.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

2. Kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo Kế hoạch số 1275/KH-BCĐ ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2024.

- Chỉ đạo 3 cấp thực hiện tốt công tác phổ cập xóa mù chữ năm 2024 được Sở giáo dục đánh giá với chất lượng hồ sơ và chất lượng phổ cập cao hơn so với năm 2023. Cụ thể: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. Xóa mù chữ mức độ 2.

- Tham mưu với trường ban chỉ đạo phổ cập giáo dục phường xây dựng Kế hoạch phổ cập giáo dục năm 2025 và phân công cụ thể công việc tới các thành viên trong Ban chỉ đạo.

1. Công tác chỉ đạo xây dựng KH giáo dục nhà trường, KH dạy học các môn học, KH giáo dục của tổ CM, KH giáo dục của giáo viên...theo hướng dẫn tại Công

văn số 551/PGDDĐT ngày 29/8/2024 về việc hướng dẫn nhiệm năm học 2024-2025 cấp THCS, Công văn số 576/PGDDĐT ngày 3/8/2024 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTH năm học 2024-2025 cấp TH của PGD&ĐT Chí Linh;

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch các môn học: Nhà trường chỉ đạo nhóm chuyên môn rà soát xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục 35 tuần theo định hướng phát triển năng lực của học sinh. Đã xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học các môn học và thực hiện kế hoạch theo đúng Công văn số 551/PGDDĐT ngày 29/8/2024 của Phòng GD&ĐT Chí Linh về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 cấp THCS; Công văn số 576/PGDDĐT ngày 30/8/2024 của Phòng GD&ĐT Chí Linh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục TH năm học 2024 - 2025. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục được bàn bạc thống nhất từ nhóm, tổ CM.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, dạy 2 buổi/ngày, dạy thêm học thêm phù hợp với tình hình nhà trường; chú ý quan tâm đến các đối tượng học sinh trong lớp, có phương pháp giảng dạy phù hợp, giúp học sinh nắm được các yêu cầu cần đạt; tăng cường phát hiện học sinh có năng khiếu các môn văn hóa để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, chú trọng việc hướng dẫn học sinh tự học, hướng dẫn học sinh khai thác nguồn tài liệu của thư viện nhà trường và các nguồn khác phù hợp.

2. Kết quả thực hiện chương trình các môn học và các hoạt động giáo dục

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT 2018;
+ Nhà trường đã triển khai các văn bản chỉ đạo tới toàn thể giáo viên, nhân viên, học sinh; PHHS, nhân dân và toàn xã hội để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của các lực lượng XH.
+ Báo cáo kế hoạch với địa phương, chủ động dự kiến phân công giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp với việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục, bố trí phân công CB, giáo viên thực hiện giảng dạy;

+ Kế hoạch dạy học các môn học bảo đảm tổng số tiết/năm học theo quy định trong chương trình. Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động khác trong năm học, tích hợp cùng với kế hoạch chung của nhà trường. Chỉ đạo các tổ xây dựng Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và Kế hoạch giáo dục của giáo viên. Các kế hoạch dạy học phù hợp với các chủ đề và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động Trải nghiệm sáng tạo, Vận dụng KTLM vào giải quyết tình huống thực tiễn. khuyến khích giáo viên thiết kế lại các tiết học trong SGK thành các bài học theo chủ đề để tổ chức cho học sinh tự lực chiếm lĩnh kiến thức và vận dụng vào thực tiễn; chú trọng lồng ghép giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật. Kế hoạch dạy học các môn học đã được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt và báo cáo Phòng GDĐT. Trên cơ sở kế hoạch dạy học đã được phê duyệt, tổ, nhóm chuyên môn, giáo viên tổ chức sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và KTĐG.

+ Cán bộ giáo viên trong nhà trường đã thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình, không vi phạm nội dung giảm tải, không cắt xén chương trình. Hoàn thành nội dung đúng quy định. Chỉ đạo nghiêm túc thực hiện đầy đủ chương trình, thời khoá biểu.

- Chỉ đạo dạy học lồng ghép kiến thức ANQP, GD kĩ năng sống, giáo dục môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng... lồng ghép vào các môn: KHTN, Ngữ Văn, Lịch sử và Địa lí, GDCD, các tiết HĐTN-HN. Giảng dạy tích hợp liên môn trong các môn học, hướng dẫn HS vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Dạy học chương trình giáo dục địa phương theo đúng tài liệu đúng công văn hướng dẫn. Bố trí dạy tài liệu giáo dục tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tích hợp nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vào các môn học: Lịch sử và Địa lý, Ngữ văn, GDCD, Nghệ thuật, HĐTN-HN, Đạo đức, Tiếng Việt....

+ Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục 35 tuần theo Quyết định 2215/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương về thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hải Dương và theo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng giáo dục và đào tạo thành phố Chí Linh. Với cấp THCS:

+ Xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp theo đúng quy định.

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục khác theo đúng quy định. Nhà trường chỉ đạo triển khai Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo Công văn số 2446/SGDDĐT-GDTrH-GDTX ngày 08/11/2024 về việc tổ chức thực hiện Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp năm học 2024-2025.

Với môn Hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp nhà trường bố trí tiết dạy thực hiện đúng hướng dẫn của Bộ giáo dục đảm bảo 105 tiết theo quy định trong đó 35 tiết sinh hoạt lớp, 35 tiết sinh hoạt theo chủ điểm và 35 tiết sinh hoạt chào cờ. Các tiết HĐTN sinh hoạt lớp, chào cờ và chủ điểm được bố trí chuyên môn cho các giáo viên có năng lực, có năng khiếu, các đồng chí Tổng phụ trách Đội, các đồng chí bí thư đoàn và GVCN lớp.

+ Chú trọng hướng dẫn học sinh tự học, đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành, dạy học theo dự án trong các môn học. Hướng dẫn học sinh tham gia các chương trình dạy học trực tuyến có chất lượng. Tổ chức và động viên học sinh tích cực tham gia hoạt động NCKH, tham gia cuộc thi STTTNNĐ. Xây dựng tủ sách lớp học.

- Tổ chức thực hiện giảng dạy Nội dung giáo dục của địa phương.

+ Nhà trường phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên. Xây dựng kế hoạch dạy học các chủ đề/bài học Nội dung giáo dục của địa phương phù hợp (có thể tích hợp) với kế hoạch dạy học các môn học có nội dung liên quan. Giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

+ Nhà trường thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả những nội dung giáo dục địa phương: Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương theo chương trình Giáo dục địa phương của Sở từ lớp 6 đến lớp 9 đúng theo Công văn số 1808/SGDDT-GDTrH-GDTX ngày 28/8/2024 của Sở GDĐT, theo hướng dẫn lồng ghép của Sở giáo dục từ khối 1 đến khối 5.

+ Nội dung chương trình giáo dục địa phương được giảng dạy phù hợp với số tiết học, thời lượng quy định, phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương, phù hợp với năng lực học sinh và thực tế nhà trường.

- Chương trình mới, SGK mới đã giúp học sinh có cơ hội thực hành nhiều hơn. Thay vì lối truyền thụ kiến thức 1 chiều như trước kia, giáo viên hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Chương trình mới tăng số lượng các tiết học thực hành, góp phần giúp học sinh có thêm hứng thú trong học tập. Học sinh tích cực chủ động lĩnh hội kiến thức, Học sinh được phát triển đầy đủ phẩm chất, năng lực. Chương trình; Ý kiến phản hồi của phụ huynh học sinh về chương trình, SGK mới;

3. Kết quả thực hiện giáo dục STEM, thực hiện chủ đề dạy học STEM, tổ chức trải nghiệm STEM, nghiên cứu khoa học, tham gia thi KHKT các chuyên đề, ngoại khóa, nghiên cứu bài học.

- Trong năm học, nhà trường đã tập huấn, hướng dẫn, khích lệ giáo viên triển khai các bài học STEM. Chủ động phương án tổ chức thực hiện GD STEM tiếp cận theo yêu cầu trong Chương trình GDPT 2018. Đăng ký tham gia triển khai theo Công văn 445/SGDDT-GDTH ngày 05/4/2023 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động GD STEM trong GD tiểu học linh hoạt xây dựng KH giáo dục nhà trường tích hợp một số môn học, hoạt động GD có trong chương trình vào GD STEM giúp mở rộng, nâng cao hiệu quả GD thực hành và hợp tác theo nhiều cách khác nhau thúc đẩy tính sáng tạo, trí tò mò và sự thấu cảm của HS. Tích cực tham mưu các cấp quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị CSVC để bảo đảm thực hiện hiệu quả GD STEM; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, GV, cha mẹ HS, HS về vai trò của giáo dục STEM. Xây dựng kế hoạch tổ chức giáo dục STEM (với 3 hình thức dự án STEM, tiết dạy STEM, hoạt động trải nghiệm giáo dục STEM. Trong quá trình triển khai thực hiện hướng dẫn GV sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại các tác địa chỉ website <https://stemthcs.edu.vn>, website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định. Trong năm học kết quả như sau:

3.1. Chuyên đề, nghiên cứu bài học, bài học STEM.

Cấp THCS: đã thực hiện được 4 bài học STEM; 4 chuyên đề, 4 NCBH. Cấp Tiểu học: Tổ chức 3 Bài học STEM, 5 chuyên đề, 6 nghiên cứu bài học, 2 dự án STEM.

3.2. Ngoại khóa: Nhà trường tổ chức thành công 5 ngoại khóa. Cụ thể:

- Phối hợp với công an thành phố Chí Linh, công an phường Thái Học, công ty hon đa Hương Lụa Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, hướng dẫn tham gia giao thông an toàn cho thiếu nhi.

- Nói chuyện lịch sử và tặng quà của giáo sư sử học Lê Văn Lan.

- Phối hợp với cựu chiến binh, Đoàn TNCSHCM Phường tổ chức ngoại khóa: nói chuyện tuyên truyền "sáng mãi gương anh bộ đội cụ hồ chào mừng 80 năm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam".

- Ngoại khóa hội chợ xuân ngày tết và ngày hội STEM cấp trường.

- Ngoại khóa rung chuông vàng - olimpic tiếng anh.

- Kết quả tham gia Ngày hội Stem cấp thành phố: Cấp THCS và cấp Tiểu học: Nhà trường được PGD&ĐT thành phố tặng 2 giấy khen gian hàng STEM. Cấp THCS có 2 sản phẩm STEM đạt giấy khen cấp thành phố, 01 sản phẩm được tham gia cấp tỉnh. Tham gia thi KHKT có 01 sản phẩm đạt giải Tư cấp thành phố.

4. Công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh và hợp tác quốc tế trong giáo dục trung học.

4.1. Giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 79/KH-UBND của UBND thành phố về việc thực hiện Đề án “ Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn thành phố Chí Linh.

- Phân công đội ngũ giáo viên làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp; tổ chức khảo sát nhu cầu học tập các môn học lựa chọn của học sinh lớp 9 để chủ động chuẩn bị cho học sinh vào học lớp 10.

- Định hướng hiệu quả việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của HS.

4.2. Hợp tác quốc tế trong giáo dục

- Nhà trường đang tập trung vào việc nâng cấp cơ sở vật chất các phòng học, thư viện, phòng Tiếng anh.

- Tập trung vào việc đào tạo và phát triển chất lượng giáo viên, với mục tiêu là tạo ra một đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo.

- Nâng cao chất lượng dạy và học, bằng cách áp dụng những phương pháp giảng dạy tiên tiến và sáng tạo.

- Phát triển kỹ năng sống và kỹ năng giao tiếp quốc tế cho học sinh, để họ có thể thích nghi và thành công trong môi trường toàn cầu.

4. Về An ninh trật tự, bán trú và an toàn trường học

- An ninh an toàn trường học.

- +Thực hiện tốt các biện pháp nhằm giảm ùn tắc giao thông khu vực cổng trường, đảm bảo an toàn cho học sinh khi tham gia giao thông.

- Về phòng chống dịch bệnh: Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các văn bản của thành phố, của ngành về công tác phòng chống dịch mùa đông

- Thực hiện tốt công tác bán trú, đảm bảo an toàn thực phẩm, không có hiện tượng ngộ độc thực phẩm. Phối hợp với PH học sinh thường xuyên kiểm tra bếp ăn ở các thời điểm và kiểm tra việc thực hiện công tác bán trú tại nhà trường.

- Tăng cường kiểm soát chất lượng bữa ăn bán trú, góp ý kịp thời với đơn vị cung cấp; quan tâm tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS bán trú trong giờ nghỉ trưa tại trường.

5. Công tác thanh, kiểm tra:

- Công tác kiểm tra nội bộ được thực hiện nghiêm túc: Xây dựng kế hoạch kiểm tra; tổ chức thực hiện kiểm tra theo đúng kế hoạch; lưu giữ hồ sơ đầy đủ. Đánh giá đúng năng lực của giáo viên để từ đó có biện pháp giúp đỡ giáo viên phát triển nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ.

5.1. Kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ giáo viên: Trong năm kiểm tra được 22 đ/c

Tổng	Loại Tốt		Loại Khá		Loại TB		Loại Yếu	
	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
22	19	86,4	2	9,1	1	4,5	0	0

5.2. Kiểm tra chuyên đề, đột xuất: Trong năm kiểm tra được: 13 lượt.

Tổng	Loại Tốt		Loại Khá		Loại TB		Loại Yếu	
	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
13	10	76,9	2	15,4	1	7,7	0	0

5.3. Công tác đánh giá, xếp loại viên chức, đánh giá cán bộ, GV theo quy định về chuẩn nghề nghiệp GV, chuẩn hiệu trưởng.

-Thực hiện theo đúng quy trình, đúng hướng dẫn. Kết quả.

a. Xếp loại viên chức: Hiệu trưởng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

+PHT và Giáo viên, nhân viên: 32

Tổng	HTXSNV		HTTNV		HTNV		KHTNV	
	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
32	6	18,8	23	71,9	02	6,3	1	3,1

b. Xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, giáo viên: Hiệu trưởng: Xếp loại tốt, 2 PHT xếp loại Tốt

+Giáo viên: 26

Tổng	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
26	10	38,5	14	53,8	02	7,7	0	0

6. Công tác thi đua:

a. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

- Nhà trường thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua, nhất là phong trào thực hiện văn hóa công sở, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nêu cao lòng nhân ái hành động vì người nghèo. Phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực được chú trọng và thực hiện có hiệu quả thiết thực. Tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa, chú trọng giáo dục, rèn luyện kỹ năng

sống, chăm sóc phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá của địa phương như nghĩa trang phường Thái Học, tạo hứng thú học tập, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hoá truyền thống cho học sinh.

- Cuộc vận động "Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo" tiếp tục được phát huy sâu rộng, hiệu quả. Đội ngũ CBQL, GV, NV đều có ý thức tự học, tự bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Phát động CB, GV và học sinh làm tốt công tác nhân đạo, từ thiện, giúp đỡ bạn nghèo. Trong năm học, toàn trường đã tham gia hiến máu nhân đạo, mua tấm ủng hộ người người mù

- Kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, giáo viên, học sinh: Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, giáo viên, học sinh. Tổ chức cho CBGV và học sinh kí cam kết thực hiện ATGT, phòng chống bạo lực học đường, đảm bảo ANTT trường học. Hàng tháng đánh giá, nhận xét, nhắc nhở chấn chỉnh những hạn chế tồn tại. Kết quả toàn thể CB-GV, NV và học sinh thực hiện nghiêm túc. Tổ chức cho học sinh khối THCS tham gia thi AN toàn GT cho nụ cười ngày mai chọn 10 bài có chất lượng gửi về ban tổ chức.

b. Công tác thi đua, khen thưởng:

- Ban thi đua đã chỉ đạo cán bộ, GVNV tích cực tham gia đóng góp xây dựng tiêu chí thi đua. Xây dựng quy chế thi đua khen thưởng năm học 2024-2025. Động viên tập thể và cá nhân tự nguyện đăng ký các danh hiệu thi đua. Tạo điều kiện cho các cá nhân phấn đấu đạt danh hiệu thi đua trong năm học. Xây dựng và nhân điển hình trong giáo viên, nêu gương tốt trong học sinh. Động viên kịp thời cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua; tích cực cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thực hiện đúng, đủ, kịp thời mọi chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước. Thực hiện công khai dân chủ trong công tác thi đua. Đẩy mạnh công tác khuyến học, tham mưu với UBND phường, Hội cha mẹ học sinh sử dụng có hiệu quả quỹ khuyến học của phường động viên khen thưởng kịp thời GV.

- Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn làm tốt công tác thi đua. Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh tiêu chí thi đua đảm bảo phù hợp, công bằng, công khai, minh bạch, tổ chức phát động cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tích cực đăng ký thi đua; KTĐG giá kết quả thi đua theo nguyên tắc: Tự giác, công khai, công bằng, hiệu quả.

- Ghi nhận, động viên kịp thời cán bộ, GV, NV và HS có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và học tập; nhân rộng điển hình tiên tiến trong các cuộc họp, trong các buổi sơ kết; động viên cán bộ, GV, NV trong các ngày Lễ, Tết, tổ chức tham quan học tập, ...

* Kết quả công tác thi đua năm học 2024 - 2025:

- Tập thể:** Nhà trường: Tập thể LĐTĐ. Công đoàn: Giấy khen của Liên đoàn lao động thành phố; Chi đoàn thanh niên: Hoàn thành xuất sắc NV được thành đoàn tặng giấy khen; Đội thiếu niên: HTXS NV được đề nghị tỉnh đoàn tặng bằng khen;

- **Cá nhân đề nghị:** Lao động tiên tiến: 30 đồng chí; Hoàn thành nhiệm vụ: 2 đồng chí; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở đề nghị: 04 đồng chí; Giấy khen của Chủ tịch UBND Thành phố 05 cá nhân.

7. Kết quả thực hiện hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo quy định của Điều lệ trường học.

- Nhà trường đã sử dụng CNTT trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn; sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; 100% cán bộ giáo viên nhân viên ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và giảng dạy. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã ra quyết định Thành lập Ban quản trị hệ thống phần mềm <https://vnedu.vn/>, hệ thống quản lý CSDL ngành <http://csdl.haiduong.edu.vn/> và hệ thống phần mềm quản lý thu, chi không dùng tiền mặt <https://emisapp.misa.vn/> từ năm học 2024-2025”. Đã phân công 2 cán bộ phụ trách Công nghệ thông tin mỗi đồng chí phụ trách 1 cấp học, các đồng chí phụ trách công nghệ thông tin đã được tham gia lớp tập huấn do Phòng GD tổ chức. Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử trên hệ thống phần mềm <https://vnedu.vn/>, hệ thống quản lý CSDL ngành <http://csdl.haiduong.edu.vn/> từ năm học 2024-2025 và hệ thống phần mềm quản lý thu, chi không dùng tiền mặt <https://emisapp.misa.vn/> từ năm học 2023 – 2024”. Đã triển khai, khai thác sử dụng ứng dụng CNTT trong quản lý hồ sơ sổ sách điện tử và phục vụ công tác giảng dạy. Thường xuyên triển khai tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, GV, NV nhà trường về quản lý hồ sơ sổ sách điện tử trên phần mềm (<http://vnedu.vn>). Các hồ sơ của nhà trường, Chuyên môn, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, cán bộ giáo viên đã được quản lý trên hệ thống phần mềm <https://vnedu.vn/>. Các bộ giáo viên đã thực hiện thành thạo việc đưa kế hoạch dạy học, kế hoạch dạy học môn học, kế hoạch bài dạy, kí sổ đầu bài.... trên.

8. Kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

8.1. Bồi dưỡng HSG, HS có năng khiếu

- Đối với HS có năng khiếu, GV có biện pháp bồi dưỡng các em ngay trong tiết dạy theo phân công. Riêng đối với HS có năng khiếu ở các môn Địa, Sinh, Lý khối 8; Toán, Anh khối 6; Tiếng anh, Ngữ văn khối 7. Nhà trường sắp xếp thời khoá biểu, chế độ trừ giờ hoặc thừa giờ cho GV thực hiện công tác bồi dưỡng ngay từ đầu năm học bắt đầu từ tuần thứ ba và cho đến khi hoàn tất kỳ thi học sinh giỏi các cấp. Lịch bồi dưỡng HSG: thực hiện hàng tuần phù hợp với giáo viên và học sinh. Kết quả cụ thể:

- Cấp THCS:

+ Học sinh giỏi văn hóa: 01 HS đạt giải nhì cấp tỉnh môn Tiếng anh, 1 giải ba, 5 giải KK, 01 HSG cấp thành phố các môn lớp 6,7,8,9 nhà trường xếp thứ 17/19 trường. 01 giải KK cấp tỉnh thi IOE, 01 học sinh đạt giải nhì cấp thành phố, giải KK cấp tỉnh tháng tự học Tiếng anh.

+ Thi KHKT, STEM: 1 giải tư thi KHKT thành phố; 01 2 sản phẩm đạt giấy khen thi STEM cấp thành phố, nhà trường được PGD tặng giấy khen có gian hàng Xuất sắc.

+ Thi Thể dục thể thao: thi điền kinh xếp thứ 7/19 trường trong đó có 3 giải nhì, 2

giải ba thi điền kinh. 1 HS tham gia thi tỉnh.

- Cấp Tiểu học: Thi giao lưu Trạng nguyên Tiếng Việt (10 nhất, 4 nhì, 5 ba, 5 KK cấp tỉnh) Tiếng Anh IOE (03 HSG cấp quốc gia), Toán Violympic 1 khuyến khích cấp tỉnh, 01 KK cấp quốc gia).

8.2. Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn

- Nhà trường đã xây dựng KH và tổ chức thực hiện KH giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

- Đối với lớp 6,7,8 xây dựng kế hoạch tổ chức phụ đạo cho HS 3 môn: Ngữ văn, Toán và Tiếng anh bắt đầu từ đầu năm học đến hết năm mỗi tuần 6 tiết (mỗi môn 2 tiết).

- Với khối 9 tổ chức phụ đạo môn Toán, Ngữ văn, Tiếng anh, KHTN, LS&ĐL đến hết học kỳ I mỗi tuần 10 tiết (mỗi môn 2 tiết), từ học kỳ II phụ đạo môn Toán, Ngữ văn, Tiếng anh mỗi tuần 6 tiết (mỗi môn 2 tiết).

- Thông qua phiên họp CMHS đầu năm, nhà trường phổ biến rộng rãi trong CMHS về kế hoạch phụ đạo cho HS yếu, những HS được ghi tên trong danh sách phụ đạo có đơn tham gia học đầy đủ, thông qua GVCN nhà trường kêu gọi sự quan tâm của các bậc CMHS để nhắc nhở, động viên HS tham gia học tập đầy đủ, nhằm hỗ trợ cho kế hoạch phụ đạo học sinh được tiến hành có hiệu quả.

9. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

9.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra 1 tiết, cuối học kì, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

9.2. Công tác giáo dục STEM

- Công tác chỉ đạo.

Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã tổ chức chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá

nhân trong quá trình học tập.

- *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã tổ chức ngoại khóa STEM. Đặc biệt xây dựng tham gia có hiệu quả Ngày hội Stem cấp thành phố, cấp tỉnh. Nhà trường được 2 giấy khen gian hàng STEM xuất sắc cấp Tiểu học, cấp THCS. 03 sản phẩm đạt giấy khen sản phẩm xuất sắc.

9.3. Về việc triển khai, thực hiện cuộc thi KHKT, STTTNNĐ

- *Công tác chỉ đạo.*

+ Thực hiện Công văn của Sở giáo dục ĐT Hải Dương về việc hướng dẫn tổ chức cuộc thi nghiên cứu KHKT, nhà trường đã nghiêm túc triển khai tới GV và HS toàn trường. Khuyến khích học sinh trung học nghiên cứu, sáng tạo khoa học, công nghệ, kĩ thuật, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống;

+ Góp phần thúc đẩy đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập, phát triển năng lực học sinh, nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục trung học. Tạo cơ hội để học sinh trung học giới thiệu kết quả nghiên cứu, sáng tạo khoa học, kĩ thuật của mình;

- *Kết quả đã đạt:* Có 01 sản phẩm dự thi NCKHKT đạt giải Tư cấp thành phố. 01 giải KK cuộc thi STTTNNĐ cấp tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024 - 2025 của trường TH&THCS Thái Học, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025-2026.

Nơi nhận:

- Bảng tin, website nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Thủy

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.